

Bản án số: 31/2023/DS-PT.

Ngày: 23 - 5 - 2023.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Mạnh Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**  
Bà **Nguyễn Thị Liên**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Phương Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:** Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2022/QĐXXPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1964; địa chỉ: Khối Bằng A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1986; địa chỉ: Số F K, phường C, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Bà **Đỗ Thị Thanh T1**, sinh năm 1968; địa chỉ: Khối C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông **Huỳnh Vĩnh C**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khối Bằng A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Vĩnh C:* ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1986; địa chỉ: Số F K, phường C, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1966; địa chỉ: A L, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P:* ông **Nguyễn Hữu Quyết T2**, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ A, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

+ **Công ty Cổ phần R**; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo pháp luật:* ông **Hoàng Kim H** – Giám đốc Công ty.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông **Nguyễn Hữu Quyết T2**, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ A, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Người kháng cáo: bị đơn bà **Đỗ Thị Thanh T1**.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 23/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị A do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày:***

Do có quen biết từ trước nên bà A nhiều lần cho bà Đỗ Thị Thanh T1 – kế toán Công ty Cổ phần R (Công ty R) vay tiền. Cụ thể:

- Ngày 27/01/2018, bà T1 vay tiền bà A 3 lần với số tiền 1.700.000.000đ; 500.000.000đ và 350.000.000đ, tổng số tiền vay trong ngày 27/01/2018 là 2.550.000.000đ, thời hạn vay 15 ngày.

- Ngày 01/02/2018, bà T1 vay bà A số tiền 400.000.000đ, thời hạn vay là 30 ngày

- Ngày 04/02/2018, bà T1 vay tiền bà A 2 lần với số tiền 600.000.000đ và 400.000.000đ, tổng số tiền vay trong ngày 04/02/2018 là 1.000.000.000đ, thời hạn vay 15 ngày.

Tổng số tiền bà A cho bà T1 vay và bà T1 có viết giấy mượn tiền là 3.950.000.000đ. Từ ngày hết hạn các khoản vay trên, bà T1 chưa trả cho bà A bất cứ khoản nào mặc dù bà A nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu trả.

Do đó, bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị Thanh T1 trả cho bà A số tiền nợ gốc là 3.950.000.000 đồng và tiền lãi kèm theo với mức lãi suất là 10% trên năm tính từ thời điểm vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 22/6/2022 với số tiền lãi là 1.728.374.973 đồng .

***Tại bản tự khai ngày 11/3/2021 và những lời trình bày tiếp theo, bị đơn bà Đỗ Thị Thanh T1 trình bày:***

Bà là Kế toán của Công ty R. Từ tháng 9/2016 đến 2020, bà là người trực tiếp gặp bà Nguyễn Thị A để mượn tiền và được bà A đồng ý. Việc bà mượn tiền bà A là do trước đó bà Nguyễn Thị P – Phó Giám đốc Công ty R có gọi điện cho bà A nói mượn tiền cho Công ty R và bà là người đến nhận tiền. Mục đích mượn tiền là để giải quyết việc của công ty. Tuy nhiên, khi bà T1 mang giấy mượn tiền của công ty có xác nhận của bà P đến thì bà A không đồng ý mà yêu cầu bà T1 là người trực tiếp nhận tiền phải viết giấy mượn tiền. Do đó, bà T1 là người viết giấy mượn tiền của bà A.

Quá trình mượn thì mỗi lần mượn từ 100.000.000đ đến 600.000.000đ, cách 15 ngày nếu có tiền trả thì trả và bỏ giấy nợ, nếu không có tiền trả thì chỉ trả lãi và xé giấy nợ cũ để ghi lại giấy nợ khác.

Từ ngày 27/01/2018 đến ngày 04/02/2018, bà T1 đã nhiều lần ghi lại giấy mượn tiền đã mượn trước đó của bà A, cụ thể: ngày 27/01/2018, bà có viết cho bà A 03 giấy mượn tiền với số tiền 1.700.000.000đ, 500.000.000đ và 350.000.000đ. Tổng số tiền mượn ghi trong ngày 27/01/2018 là 2.550.000.000đ; ngày 01/02/2018, bà có viết giấy mượn của bà A số tiền 400.000.000đ; ngày 04/02/2018, bà có viết 02 giấy mượn tiền của bà A số tiền 600.000.000đ và 400.000.000đ. Tổng cộng số tiền mượn trong ngày 04/02/2018 là 1.000.000.000đ. Tổng số tiền bà T1 viết giấy mượn tiền của bà A là 3.950.000.000đ (ba tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền này bà T1 mượn cho công ty R để giải quyết việc của công ty.

Ngoài ra, ngày 08/3/2017, Công ty R có ký thỏa thuận vay tiền của bà A, ông C số tiền 2.300.000.000 đồng. Số tiền 2.300.000.000 đồng này bà T1 là người trực tiếp nhận và đã viết giấy nhận tiền trước đó. Bà A không chịu nhận giấy này mà vẫn giữ các giấy nhận tiền trước đó. Do đó, bà T1 giữ giấy thỏa thuận vay tiền

này. Đến tháng 9/2020, bà T1 đưa lại giấy thỏa thuận vay tiền này cho bà A và bà A có viết cho bà T1 nội dung đã nhận tờ giấy nợ 2,3 tỷ của công ty R ký đến ngày 08/3/2017 và số tiền này đã ghi trong sổ. Do đó, số tiền 2.300.000.000 đồng mà bà A, ông C khởi kiện đã được Tòa án tỉnh Quảng Nam giải quyết bằng một vụ án khác là số tiền có trong sổ tiền 3.950.000.000 đồng mà bà A đang kiện bà T1.

Tất cả những khoản nợ này bà T1 đều có ghi vào sổ cá nhân của bà, bà có đưa cho bà P xem nhưng bà P không có ký xác nhận vào sổ nợ, bà không đưa bà A xem sổ nợ này và bà A cũng không có ký xác nhận vào sổ.

Đối với ý kiến của đại diện nguyên đơn cho rằng văn bản thỏa thuận mà công ty R ký xác nhận 8/3/2017 được giao cho bà A vào ngày 8/3/2017 đồng thời những giấy mượn tiền mà bà T1 đã viết trong sổ của bà A được bà A giao cho bà T1 cùng ngày thì bà T1 không đồng ý vì không đúng sự thật, tuy nhiên bà T1 không có chứng cứ gì chứng minh cho ý kiến của mình.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 phải trả lại số tiền còn nợ là 3.950.000.000đ và lãi suất kèm theo thì bà T1 chỉ đồng ý trả số tiền 1.650.000.000đ và lãi suất kèm theo. Đối với số tiền 2.300.000.000đ thì bà không đồng ý trả vì đây là nợ của Công ty R đối với vợ chồng ông C và bà A, số tiền 2.300.000.000 đồng này công ty đã xác nhận nợ bằng thỏa thuận vay vốn ngày 08/3/2017 và đã được giải quyết bằng một bản án.

***Tại bản tự khai ngày 12/3/2021 và những lời trình bày tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Vĩnh C do người đại diện theo ủy quyền ông Trần Thanh T trình bày:***

Số tiền mà bà T1 còn nợ của bà A là tài sản riêng của bà A cho bà T1 mượn, không có liên quan đến ông C nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Tại bản trình bày ngày 03/12/2021 và những lời trình bày tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần R, do ông Nguyễn Hữu Quyết T2 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ông T2 là nhân viên hành chính pháp lý của Công ty R từ cuối năm 2020 đến nay. Năm 2018, Công ty R không yêu cầu bà T1 mượn các khoản tiền trên. Việc bà T1 mượn tiền của bà A là việc riêng của bà T1 và bà A, không có liên quan gì đến Công ty R. Công ty R không nhận số tiền này từ bà T1. Đối với thỏa thuận vay vốn ngày 08/3/2017 giữa Công ty R với vợ chồng ông C đã được Tòa án Điện Bàn xét xử ngày 11/02/2022. Đồng thời, thỏa thuận này lập ngày 08/3/2017 trong khi các giấy nhận tiền bà T1 ký mượn của bà A từ tháng 01, 02 năm 2018 nên 2 khoản tiền này không liên quan đến nhau. Do đó, ông khẳng định số tiền 3.950.000.000đ mà bà Đỗ Thị Thanh T1 đã mượn của bà Nguyễn Thị A không liên quan gì đến Công ty R.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả lại số tiền đã mượn là 3.950.000.000đ và lãi suất kèm theo, việc này không liên quan đến Công ty R nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

***Tại bản trình bày ngày 03/12/2021 và những lời trình bày tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P, do ông Nguyễn Hữu Quyết T2 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Bà P hoàn toàn thống nhất ý kiến của Công ty R. Nay bà A khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả lại số tiền đã mượn là 3.950.000.000đ và lãi suất kèm theo, việc

này không liên quan đến bà P và Công ty R nên bà P đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào Điều 26;35;39 BLTTDS; Điều 463, 466, 468; 470 BLDS; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với bà Đỗ Thị Thanh T1 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Đỗ Thị Thanh T1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền tổng cộng là 5.669.179.000đ (năm tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc: 3.950.000.000đ (ba tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi: 1.719.179.000đ (một tỷ, bảy trăm mười chín triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn đồng) (lãi suất tính đến ngày 22/6/2022).

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với bà Đỗ Thị Thanh T1 với số tiền lãi: 9.195.973đ (chín triệu, một trăm chín lăm nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/7/2022, bị đơn bà Đỗ Thị Thanh T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bà T1 cho rằng:

+ Cấp sơ thẩm đánh giá chưa đúng về các căn cứ để chứng minh các khoản vay giữa bà T1 với bà Nguyễn Thị A, sự liên quan của vợ chồng ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P trong vụ án; xác định chưa chính xác nghĩa vụ trả nợ trong vụ án.

+ Đối với khoản nợ 2.300.000.000 đồng, còn nhiều khuất tất, bà A và vợ chồng ông Hoàng Kim H, Nguyễn Thị P cố ý khai không đúng nhưng chưa được làm rõ. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án số 73/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn chờ kết quả điều tra của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Thanh

T1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy Bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Thanh T1 thì thấy:

[2.1] Bà T1 là Kế toán của Công ty R từ tháng 9/2016 đến 2020. Bà T1 thừa nhận có đến vay tiền của bà A và viết các giấy mượn tiền vào các ngày 27/01/2018, ngày 01/02/2018, 04/02/2018 với tổng số tiền 3.950.000.000đ. Việc bà T1 cho rằng bà mượn số tiền này để giải quyết việc của công ty R và mượn theo chỉ đạo của bà P – Phó Giám đốc công ty. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của Công ty R và bà P không thừa nhận số tiền 3.950.000.000đ bà T1 vay của bà A trong các ngày 27/01/2018, ngày 01/02/2018, 04/02/2018 là vay cho Việt Á. Bà T1 không đưa ra được các chứng cứ chứng minh đã giao số tiền 3.950.000.000đ bà đã vay của bà A cho Công ty R. Nên bà T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền trên và lãi suất kèm theo.

[2.2] Việc bà T1 cho rằng ngày 08/3/2017, Công ty R có ký thỏa thuận vay vốn với ông Huỳnh Vĩnh C và bà Nguyễn Thị A số tiền vay là 2.300.000.000 đ. Thực chất số tiền này là tiền bà T1 mượn cho công ty và đã ghi trong sổ (các giấy mượn tiền do bà T1 viết). Do đó, trong số tiền 3.950.000.000đ mà bà A khởi kiện có số tiền 2.300.000.000đ mà công ty R vay và đã được giải quyết tại bản án số 42/2022/DS-ST ngày 3/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam là không có căn cứ. Bởi lẽ văn bản thỏa thuận vay vốn giữa Công ty R và ông C, bà A được lập ngày 08/3/2017, trong khi các giấy mượn tiền của bà T1 được lập vào đầu năm 2018, nên không có cơ sở xem xét hai văn bản này có liên quan đến nhau. Bà Thủy cung c bản photo các văn bản bà chuyển tiền cho ông Hoàng Kim H- Giám đốc Công ty R và bà Hoàng Thị Kim T3 là con gái ông H 5 lần trong năm 2018 với tổng số tiền 850.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh các khoản tiền này liên quan đến khoản tiền mà bà T1 đã viết giấy mượn tiền cho bà A vào đầu năm 2018. Đây là một giao dịch dân sự khác, không liên quan đến vụ án này nên không có cơ sở xem xét ý kiến của bà T1.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T1 thừa nhận có đến vay tiền của bà A và viết các giấy mượn tiền vào các ngày 27/01/2018, ngày 01/02/2018, 04/02/2018 với tổng số tiền 3.950.000.000đ nên đây là sự thật, tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS.

[2.4] Đối với yêu cầu tính lãi suất là 10% trên năm tính từ thời điểm vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 22/6/2022 thì thấy: Trong các giấy mượn tiền vào các ngày 27/01/2018, ngày 01/02/2018, 04/02/2018 các bên không có thỏa thuận về lãi suất, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T1 phải trả lãi cho bà A từ thời

điểm vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 22/6/2022), với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc 3.950.000.000đ thành tiền là 1.719.179.000 đồng và không chấp nhận tiền lãi vượt quá mức lãi suất 10%/năm mà nguyên đơn yêu cầu là 9.195.973đ (1.728.374.973 đồng - 1.719.179.000 đồng) là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.5] Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án số 73/2022/DS-ST ngày 22.6.2022 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn chờ kết quả điều tra của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q. HĐXX xét thấy:

Ngày 8/11/2021, bà T1 làm đơn tố cáo ông Hoàng Kim H và bà Nguyễn Thị P có hành vi lừa đảo bà T1 để chiếm đoạt là: 9.125.336.500 đồng đến Công an tỉnh Q, trong đó xác định số tiền của cá nhân bà T1 bị chiếm đoạt là: 2.276.200.000 đồng, số tiền còn lại: 6.849.136.500 là do bà T1 trực tiếp vay mượn của người khác theo yêu cầu của ông H bà P đã nhờ bà T1 tìm người vay mượn. Tuy nhiên, bà T1 không cung cấp được tài liệu chứng minh việc giao nhận tiền giữa bà T1 và vợ chồng H, P. Công An tỉnh Q đã tiến hành yêu cầu các cơ quan cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu liên quan nhưng đến nay chưa nhận được kết quả trả lời. Nên Công an tỉnh Q đã ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Do đó việc bà T1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án số 73/2022/DS-ST ngày 22.6.2022 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn chờ kết quả điều tra của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q là không có cơ sở chấp nhận.

[2.6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Án phí:

[3.1] Án phí dân sự phúc thẩm: Do HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần được HĐXX chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần lãi không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Thanh T1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của

Hội đồng thẩm phán TANDTC, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với bà Đỗ Thị Thanh T1 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bà Đỗ Thị Thanh T1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền tổng cộng là 5.669.179.000đ (năm tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc: 3.950.000.000đ (ba tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi: 1.719.179.000đ (một tỷ, bảy trăm mười chín triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn đồng) (lãi suất tính đến ngày 22/6/2022).

Kể từ sau ngày xét xử, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với bà Đỗ Thị Thanh T1 với số tiền lãi tổng cộng: 9.195.973đ (*chín triệu, một trăm chín lăm nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng*).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thanh T1 phải chịu 113.669.000đ (*một trăm mười ba triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí DSST. Bà Nguyễn Thị A phải chịu 460.000đ (*bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.736.890đ (*năm mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi đồng*) theo biên lai thu số 0002927 ngày 23/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Nguyễn Thị A được nhận lại 56.276.890đ (*năm mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi đồng*) tiền án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Đỗ Thị Thanh T1 phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001144 ngày 05/7/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23/5/2023).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thị xã Điện Bàn;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trần Mạnh Dũng**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thị xã Điện Bàn;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Mạnh Dũng**



